

Số **39** /2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **24** tháng **11** năm 2020

THÔNG TƯ

**Quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã
ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở;

Thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin cơ sở;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông bao gồm: Danh mục thành phần cơ bản và yêu cầu kỹ thuật; mô hình kết nối và yêu cầu chia sẻ dữ liệu; an toàn thông tin; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Thông tư này không điều chỉnh hoạt động của đài truyền thanh có dây và đài truyền thanh không dây FM.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là đài truyền thanh cấp xã sử dụng phương thức truyền đưa tín hiệu âm thanh, dữ liệu trên hạ tầng viễn thông, Internet. Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là một thành phần của hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là hệ thống thông tin được triển khai ở xã, phường, thị trấn và quản lý tập trung ở cấp tỉnh, gồm hai thành phần: Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh và đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

3. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh là hệ thống thông tin được thiết lập để cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh còn có chức năng thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

4. Hệ thống thông tin nguồn trung ương là hệ thống thông tin được thiết lập để cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trong toàn quốc. Hệ thống thông tin nguồn trung ương còn có chức năng thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc.

5. Thông tin nguồn là bản tin dưới dạng dữ liệu số do các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện cung cấp và được quản lý, lưu trữ trên hệ thống thông tin nguồn.

Chương II

DANH MỤC THÀNH PHẦN CƠ BẢN VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG

Điều 4. Danh mục thành phần cơ bản

1. Thiết bị phần cứng bao gồm:

a) Cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;

- b) Thiết bị quản lý, lưu trữ thông tin và sản xuất chương trình phát thanh;
- c) Loa;
- d) Micro;
- đ) Các thiết bị, vật tư khác.

2. Phần mềm bao gồm:

- a) Phần mềm hệ thống phục vụ hoạt động của cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;
- b) Phần mềm của hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 5. Yêu cầu kỹ thuật

1. Thiết bị phần cứng của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đáp ứng các yêu cầu cơ bản về kỹ thuật tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phần mềm hệ thống phục vụ hoạt động của cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đáp ứng các yêu cầu cơ bản về an toàn thông tin tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Phần mềm của hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Đáp ứng các yêu cầu cơ bản về chức năng tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này và các hướng dẫn khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Đáp ứng các yêu cầu cơ bản về an toàn thông tin tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Căn cứ nhu cầu thực tế, đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông có thể nâng cấp phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của địa phương nhưng phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 6. Yêu cầu kết nối đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông với đài truyền thanh có dây, đài truyền thanh không dây FM

Trường hợp cần kết nối đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông với đài truyền thanh có dây, đài truyền thanh không dây FM đang hoạt động thì sử dụng thiết bị tích hợp tự động đáp ứng yêu cầu cơ bản về kỹ thuật tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
MÔ HÌNH KẾT NỐI VÀ YÊU CẦU CHIA SẺ DỮ LIỆU
ĐỐI VỚI ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG

Điều 7. Mô hình kết nối

Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông phải tuân thủ mô hình kết nối tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Yêu cầu chia sẻ dữ liệu

Dữ liệu được chia sẻ đối với đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV
AN TOÀN THÔNG TIN ĐỐI VỚI HỆ THỐNG TRUYỀN THANH
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG
CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 9. Bảo đảm an toàn thông tin

1. Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có phương án bảo đảm an toàn thông tin đáp ứng các yêu cầu an toàn tối thiểu ở cấp độ 2 quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Điều 10. Giám sát an toàn thông tin

Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có phương án giám sát an toàn thông tin đáp ứng các quy định tại Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin.

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin

1. Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cấp độ 3 trở lên phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 12. An toàn thông tin trong kết nối, chia sẻ dữ liệu

Hệ thống thông tin nguồn trung ương và hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh khi kết nối, chia sẻ dữ liệu với nhau hoặc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các thành phần khác phải có biện pháp đảm bảo an toàn dữ liệu đáp ứng các yêu cầu an toàn thông tin quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các quy định về đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

2. Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên phạm vi toàn quốc.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê về đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức xây dựng, quản lý đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của địa phương theo quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại địa phương.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê về đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức xây dựng, quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của địa phương theo quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

2. Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại địa phương.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê về đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của địa phương theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Điều 16. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng, quản lý trực tiếp, khai thác, vận hành hoạt động của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông theo quy định tại Thông tư này và theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đáp ứng các quy định tại Thông tư này.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 01 năm 2021

2. Trường hợp đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông đã được đầu tư nhưng chưa tuân thủ các quy định của Thông tư này, sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm áp dụng, nâng cấp, hoàn thiện đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Thông tin cơ sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Thông tin cơ sở) để xem xét, giải quyết./. *Đam*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ TTTT:
- + Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- + Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- + Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, TTCS.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục 01

**YÊU CẦU CƠ BẢN VỀ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI ĐÀI TRUYỀN THANH
CẤP XÃ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 39 /2020/TT-BTTTT ngày 29 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

STT	Tên gọi	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối mạng Internet. - Nguồn điện cung cấp: + Nguồn điện xoay chiều có hiệu điện thế: $U = 90V - 240V/50Hz$. + Có đầu chờ để lắp nguồn điện một chiều (khi mất điện) có hiệu điện thế: $U = 12V - 24V$. - Role bảo vệ thiết bị điện khi hiệu điện thế $U < 90V$ hoặc $U > 240V$; mất pha, đứt dây trung tính... - Tổng công suất ra loa: Từ 50W - 120W. - Thu được nội dung phát của đài phát thanh, truyền thanh 03 cấp (Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện). 	Trường hợp các thiết bị thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý chất lượng theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BTTTT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
2	Thiết bị quản lý, lưu trữ thông tin và sản xuất chương trình phát thanh	<p>Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ổ cứng: tối thiểu 500G; - Ram: tối thiểu 4G; - Chíp: tối thiểu Core i3 hoặc tương đương; - Đầu đọc CD/DVD; - Cổng kết nối Internet và các thiết bị liên quan kèm theo. 	
3	Thiết bị tích hợp tự động	<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối mạng Internet; - Kết nối với đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông; - Tự động bật/tắt đài truyền thanh có dây/đài truyền thanh không dây FM khi nhận lệnh bật/tắt từ đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông; - Có chức năng chuyển đổi âm thanh tương tự (analog) sang dạng số (digital) và ngược lại. 	
4	Micro	Chất lượng âm thanh rõ ràng	

5	Loa	Công suất tối thiểu từ: Từ 25 - 30W/loa.	
6	Các thiết bị, vật tư khác (cột treo loa, dây chống sét ở cột treo loa...nếu có).	Đảm bảo quy định chuyên ngành về an toàn điện và an toàn xây dựng.	

Phụ lục 02

**YÊU CẦU CƠ BẢN VỀ AN TOÀN THÔNG TIN ĐỐI VỚI
PHẦN MỀM HỆ THỐNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM THU
PHÁT THANH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN-VIỄN THÔNG**
(Ban hành kèm theo Thông tư số **59** /2020/TT-BTTTT ngày **24** tháng **11** năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Yêu cầu mức độ đáp ứng
1	Chức năng xác thực	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép thiết lập thông tin xác thực trên thiết bị thông qua giao diện. - Thông tin xác thực phải được lưu trữ có mã hóa trên thiết bị. - Cho phép xác thực hệ thống quản lý tập trung, khi thiết bị được kết nối quản trị từ xa. - Cho phép hệ thống quản lý tập trung xác thực thiết bị khi được kết nối vào hệ thống quản lý tập trung. - Cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng. - Cho phép khóa truy cập trong một khoảng thời gian được thiết lập nếu thông tin xác thực từ hệ thống quản lý tập trung sai vượt quá số lần được thiết lập trước trên thiết bị.
2	Chức năng kiểm soát truy cập	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép thiết lập cấu hình để chỉ cho phép địa chỉ mạng của hệ thống quản lý tập trung được kết nối, quản trị thiết bị. - Cho phép hệ thống quản lý tập trung quản lý thiết bị thông qua địa chỉ mạng và địa chỉ vật lý.
3	Chức năng nhật ký hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép ghi nhật ký hoạt động của thiết bị, tối thiểu bao gồm: trạng thái hoạt động, hiệu năng, thông tin thay đổi cấu hình thiết bị. - Cho phép lưu trữ nhật ký hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu là 01 tháng.
4	Chức năng bảo mật thông tin liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép thiết lập kênh truyền có mã hóa giữa thiết bị và hệ thống quản lý tập trung. - Cho phép mã hóa thông tin, dữ liệu trước khi truyền đưa, trao đổi qua kênh truyền.
5	Đảm bảo an toàn thông tin cho các giao tiếp của thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng quản lý (bật/tắt) các giao diện, giao thức mạng của thiết bị (nếu có). - Thiết lập cấu hình mặc định để tắt tất cả các giao diện mạng và dịch vụ, giao diện vật lý và các giao diện khác (nếu có) không sử dụng thường xuyên.
6	Khả năng xử lý các sự cố	Cho phép khôi phục cấu hình trong trường hợp gặp sự cố (ví dụ: mất điện, mất kết nối mạng...).
7	Yêu cầu đối với việc quản lý bản vá, cập nhật	<ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng quản lý thông tin về phiên bản hệ điều hành/phần mềm trên thiết bị. - Có chức năng cho phép cập nhật các bản vá bảo mật.

Phụ lục 03**YÊU CẦU CƠ BẢN ĐỐI VỚI CHỨC NĂNG PHẦN MỀM CỦA HỆ THỐNG TRUYỀN THANH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN-VIỄN THÔNG CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số **39** /2020/TT-BTTTT ngày **24** tháng **11** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả tính năng
I. Yêu cầu về chức năng		
1	Quản lý tài khoản	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mật khẩu. - Thay đổi thông tin người dùng.
2	Phát thanh	<ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng tiếp âm từ các tệp tin âm thanh có định dạng MP3, M3U, WAV... của đài phát thanh, truyền thanh 03 cấp (Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện) và các nguồn âm thanh khác. - Có chức năng phát thanh trực tiếp từ micro. - Có chức năng chuyển văn bản sang giọng nói (text to speech).
3	Quản lý cụm loa	<ul style="list-style-type: none"> - Thêm, sửa, xóa các thông tin về cụm loa như: Mã, địa chỉ cụm loa... - Hiện thị trạng thái đang hoạt động của từng cụm loa giúp xác định được vị trí cụm loa hư hỏng; có chức năng giám sát tình trạng hoạt động của loa. - Có thể phát/dừng phát bản tin ở từng cụm loa. - Điều chỉnh âm lượng đối với từng cụm loa. - Cụm loa nhận dữ liệu bản tin từ các địa chỉ IP đã được cho phép.
4	Quản lý chương trình phát thanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập chương trình phát thanh. - Thêm, sửa, xóa các chương trình phát thanh. - Hỗ trợ đặt lịch phát sóng (không giới hạn). - Đặt quyền ưu tiên cho chương trình phát thanh (nếu có thông tin khẩn cấp sẽ ưu tiên cao nhất), phù hợp với truyền thanh nhiều cấp. - Theo dõi, giám sát trực tiếp các chương trình phát thanh. - Lưu chương trình phát thanh đã phát.
5	Báo cáo thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số lượng bản tin đã phát theo từng lĩnh vực, theo khoảng thời gian. - Thống kê tình trạng hoạt động của các cụm loa. - Gửi báo cáo lên hệ thống thông tin nguồn.

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả tính năng
II. Yêu cầu về phi chức năng		
		<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh tốc độ truyền bản tin (bitrate) để phù hợp với mỗi loại tốc độ đường truyền. - Mã hoá toàn bộ tín hiệu gửi đi trên đường truyền để tránh can nhiễu hoặc xâm phạm trái phép vào đường truyền. - Phần mềm sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt. - Máy chủ đặt tại Việt Nam. - Số hóa nguồn tín hiệu các cấp để liên thông với phần mềm hệ thống. - Có thể trích xuất được các nội dung, thời gian đã phát các chương trình. - Sử dụng trên các trình duyệt phổ biến (Google Chrome, Firefox, Coccoc...).

Phụ lục 04**YÊU CẦU CƠ BẢN VỀ AN TOÀN THÔNG TIN ĐỐI VỚI PHẦN MỀM
CỦA HỆ THỐNG TRUYỀN THANH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
-VIỄN THÔNG CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số **39** /2020/TT-BTTTT ngày **24** tháng **11** năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tiêu chí kỹ thuật	Yêu cầu mức độ đáp ứng
1	Chức năng xác thực	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép thiết lập cấu hình ứng dụng để xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình ứng dụng. - Cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống. - Cho phép thiết lập cấu hình ứng dụng để đảm bảo an toàn mật khẩu người sử dụng. - Cho phép mã hóa thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng. - Cho phép thiết lập cấu hình ứng dụng để ngăn cản việc đăng nhập tự động. - Cho phép vô hiệu hóa tài khoản nếu đăng nhập sai vượt số lần quy định.
2	Chức năng kiểm soát truy cập	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép thiết lập hệ thống chỉ được phép sử dụng các kết nối mạng an toàn khi truy cập, quản trị ứng dụng từ xa. - Cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi ứng dụng không nhận được yêu cầu từ người dùng. - Cho phép phân quyền truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của ứng dụng với người sử dụng/nhóm người sử dụng có chức năng, yêu cầu nghiệp vụ khác nhau.
3	Chức năng nhật ký hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép ghi nhật ký hệ thống. - Cho phép lưu trữ nhật ký hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu là 03 tháng.
4	Chức năng bảo mật thông tin liên lạc	Cho phép mã hóa thông tin, dữ liệu trước khi truyền đưa, trao đổi qua môi trường mạng.
5	Chức năng chống chối bỏ	Cho phép sử dụng chữ ký số khi trao đổi thông tin qua môi trường mạng.

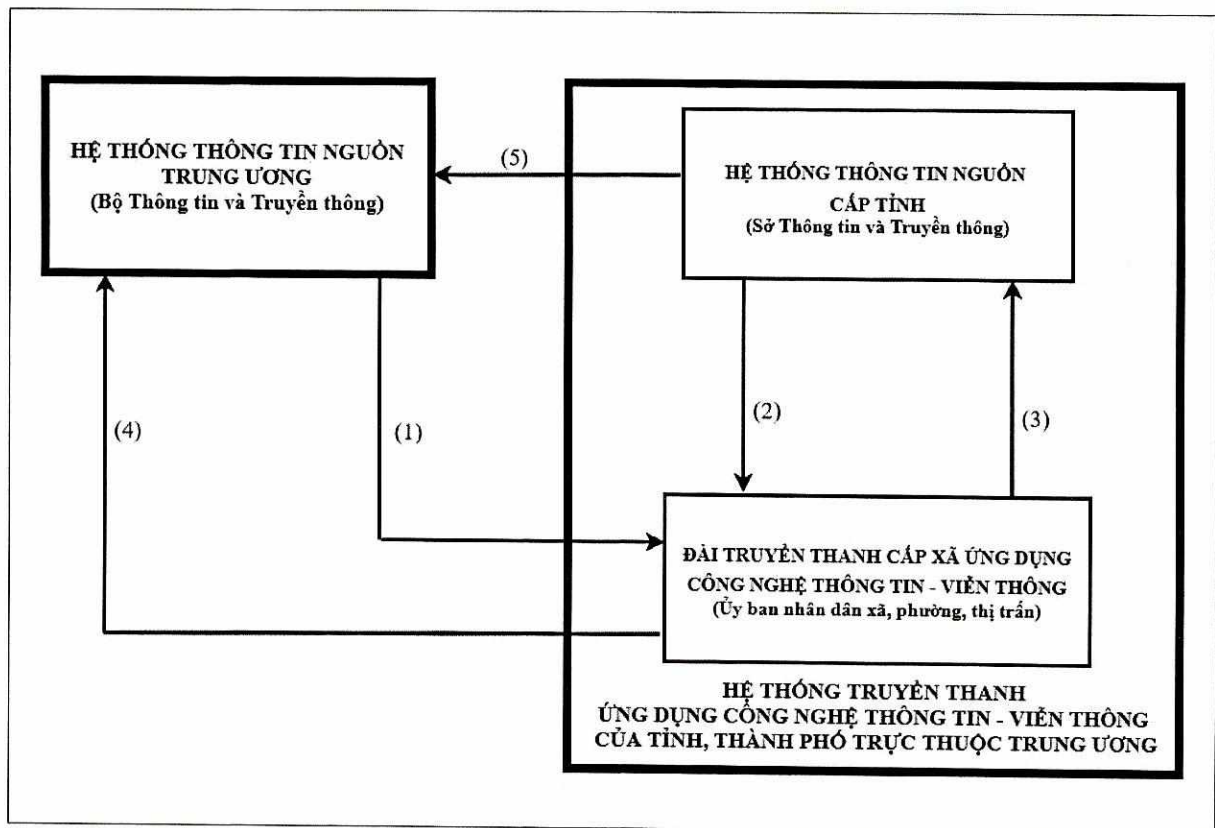
6	Chức năng an toàn ứng dụng và mã nguồn	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, dữ liệu đầu vào trước khi xử lý. - Cho phép bảo vệ ứng dụng chống lại những dạng tấn công phổ biến: SQL Injection, OS command injection, RFI, LFI, Xpath injection, XSS, CSRF. - Cho phép kiểm soát lỗi, thông báo lỗi từ ứng dụng.
7	Chức năng đảm bảo nguyên vẹn dữ liệu	Cho phép lưu trữ dữ liệu trên hệ thống cùng mã kiểm tra tính toàn vẹn.
8	Chức năng bảo mật dữ liệu	Cho phép lưu trữ có mã hóa các thông tin, dữ liệu trên hệ thống lưu trữ/phương tiện lưu trữ.
9	Chức năng sao lưu dự phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép thiết lập chế độ tự động hoặc chế độ thủ công để sao lưu dữ liệu dự phòng trên hệ thống hoặc trên hệ thống lưu trữ tập trung. - Cho phép thực hiện tự động sao lưu dữ liệu dự phòng trên hệ thống hoặc trên hệ thống lưu trữ tập trung. - Cho phép khôi phục dữ liệu hệ thống từ dữ liệu sao lưu dự phòng.

Phụ lục 05

MÔ HÌNH KẾT NỐI VÀ YÊU CẦU CHIA SẺ DỮ LIỆU ĐỐI VỚI ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số **39** /2020/TT-BTTTT ngày **24** tháng **11** năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Mô hình kết nối của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông



Theo mô hình trên:

(1) Hệ thống thông tin nguồn trung ương gửi bản tin đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông (chi tiết tại mục 2.1).

(2) Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh gửi bản tin đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông (chi tiết tại mục 2.1).

(3) Dữ liệu báo cáo của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông gửi đến hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh (chi tiết tại mục 2.2).

(4) Dữ liệu báo cáo của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông gửi đến hệ thống thông tin nguồn trung ương (chi tiết tại mục 2.2).

(5) Dữ liệu báo cáo của hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh gửi đến hệ thống thông tin nguồn trung ương khi có yêu cầu.

2. Yêu cầu chia sẻ dữ liệu đối với đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông

2.1. Dữ liệu đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông nhận từ hệ thống thông tin nguồn.

2.1.1. Loại bản tin:

- Bản tin ký tự (text): Bản tin điện tử mà nội dung bao gồm các ký tự.
- Bản tin âm thanh (voice): Bản tin điện tử mà nội dung bao gồm dữ liệu âm thanh.

2.1.2. Mức độ ưu tiên:

Hệ thống thông tin nguồn trung ương và cấp tỉnh gửi đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông các loại bản tin theo mức độ ưu tiên từ thấp đến cao như sau:

- Bản tin thông thường: Bản tin được hệ thống thông tin nguồn gửi đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông để người dùng cấp xã chủ động lựa chọn phát theo lịch phát thanh.

- Bản tin ưu tiên: Bản tin được hệ thống thông tin nguồn gửi đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông để ưu tiên phát trong chương trình. Trường hợp bản tin ưu tiên của hệ thống thông tin nguồn gửi đến trùng với lịch phát bản tin ưu tiên của cấp xã trong chương trình, người dùng cấp xã chủ động quyết định thứ tự phát các bản tin ưu tiên theo yêu cầu thực tế.

- Bản tin khẩn cấp: Bản tin được hệ thống thông tin nguồn gửi đến đài phát thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông để phát ngay trong các tình huống khẩn cấp (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh...).

2.2. Dữ liệu báo cáo được gửi từ đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông gửi đến hệ thống thông tin nguồn trung ương và cấp tỉnh.

2.2.1. Dữ liệu về bản tin đã phát:

Bao gồm các thông tin mô tả về bản tin như: Tiêu đề, tác giả, thời lượng, thời điểm bắt đầu phát, thời điểm kết thúc phát; Bản tin của cấp trên sản xuất hoặc bản tin tự sản xuất; Nguồn lấy thông tin; Nhóm nội dung tuyên truyền (đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cơ sở; kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, văn hóa, xã hội; gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến...).

2.2.2. Dữ liệu về lịch phát thanh:

Bao gồm các thông tin về: Lịch đã phát thanh; Lịch phát thanh cho những ngày tiếp theo...

2.2.3. Dữ liệu về thiết bị kỹ thuật của đài:

Bao gồm các thông tin về: Tổng số cụm loa; Tình trạng hoạt động của từng cụm loa...

2.2.4. Dữ liệu về nhân sự quản lý, vận hành đài truyền thanh và các dữ liệu khác khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên./.